

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÁI NƯỚC  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2025/HNGĐ-ST  
Ngày 29 – 4 – 2025  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Hiền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Quốc Trung.

Ông Lê Thanh Phong.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thu Khiêm – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Trần Văn L, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn:** Bà Lê Kiều T, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án ông Trần Văn L (nguyên đơn) trình bày:*

Về hôn nhân: Ông và bà Lê Kiều T chung sống với nhau vào năm 2015, hôn nhân tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi và đã không còn sống chung từ năm 2023 cho đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nay ông yêu cầu ly hôn với bà Lê Kiều T.

Về con chung: Ông xác định có 01 con chung tên Trần Lê Trọng K, sinh năm 22/8/2016. Hiện nay, con đang sống với ông. Sau khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ thu, nợ trả: Ông xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bà Lê Kiều T, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý về yêu cầu của ông Trần Văn L nhưng bà T không có ý kiến. Tòa án thông báo để bà T tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng bà T vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa anh, chị được.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã triệu tập họp lệ bà Lê Kiều T tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bà T vắng mặt không lý do; nguyên đơn ông Trần Văn L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông L theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền*:

Tranh chấp giữa ông Trần Văn L với bà Lê Kiều T là tranh chấp hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Lê Kiều T có địa chỉ cư trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án*:

[3.1] Về hôn nhân: Ông Trần Văn L và bà Lê Kiều T chung sống với nhau vào năm 2015, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo đúng quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C xác nhận ngày 17/01/2025. Do đó, hôn nhân của ông, bà không có giá trị pháp lý. Qua mâu thuẫn giữa ông L và bà T như ông L trình bày, mặc dù ông L yêu cầu xin ly hôn với bà T nhưng do ông, bà không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa ông L và bà T là vợ chồng là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Ông L xác định có 01 con chung tên Trần Lê Trọng K, sinh năm 22/8/2016. Hiện nay, con đang sống với ông L. Sau khi ly hôn ông L yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ trước đến nay ông L nuôi dưỡng con cũng đã ổn định, sức khỏe vẫn phát triển bình thường. Mặt khác, theo biên bản lấy lời khai ngày 18/3/2025 cháu Trần Lê Trọng K có nguyện vọng muốn sống với ông L, bà T cũng không có ý kiến yêu cầu được nuôi con nên yêu cầu nuôi con của ông L là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông L, giao cháu Trần Lê Trọng K cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông L không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung; nợ thu, nợ trả: Ông L xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Ông L phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14, 15, 51, 53, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;  
Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

[1] *Về hôn nhân*: Không công nhận ông Trần Văn L và bà Lê Kiều T là vợ chồng.

[2] *Về con chung*: Giao cho ông Trần Văn L được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trần Lê Trọng K, sinh năm 22/8/2016 và bà Lê Kiều T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lê Kiều T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Ông Trần Văn L phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0019124 ngày 21/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước; ông L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Án xử sơ thẩm công khai, ông Trần Văn L và bà Lê Kiều T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

### **Nơi nhận:**

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thanh Hiền**

